| | |
|---|---|
| **TAND HUYỆN TAM ĐƯỜNG**<br>**TỈNH LAI CHÂU** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 01/2022/QĐST - HNGĐ | *Tam Đường, ngày 09 tháng 11 năm 2022* |

# QUYẾT ĐỊNH
# SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
## Về việc: Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật

## TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐƯỜNG, TỈNH LAI CHÂU

***Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:***

Thẩm phán - chủ tọa phiên họp: Bà Hồ Thị Tuyết

***Thư ký phiên họp:*** Bà Cao Thị Hóa

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu tham gia phiên họp:*** Bà Tô Đỗ Yến Ly - Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2022/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2022. Về việc "Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 01/2022/QĐST- HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2022, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

***- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:***

Bà Hàng Thị G, sinh năm 1976. Địa chỉ: Bản CV, xã SB, huyện TĐ, tỉnh Lai Châu (vắng mặt có lý do).

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Anh Vàng A Đ, sinh ngày 02/9/1994. Địa chỉ: Bản CV, xã SB, huyện TĐ, tỉnh Lai Châu (vắng mặt có lý do).

2. Chị Giàng Thị L, sinh ngày 05/01/1994. Địa chỉ Bản CV, xã SB, huyện TĐ, tỉnh Lai Châu (vắng mặt có lý do).

## NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và lời khai trong quá trình giải quyết việc dân sự, người yêu cầu bà Hàng Thị G trình bày:

Bà Hàng Thị G có con gái tên là Giàng Thị L, sinh ngày 05/01/1994 và con rể là Vàng A Đ sinh ngày 02/9/1994. Ngày 26/6/2012, anh Vàng A Đ và chị Giàng Thị L, hiện đang cư trú tại bản CV, xã SB, huyện TĐ, tỉnh Lai Châu đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã SB, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu. Thời điểm đăng ký kết hôn, anh Vàng A Đ chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định nên tự khai là Vàng A Đ sinh ngày 02/9/1992 để đủ tuổi làm thủ tục đăng ký kết hôn. Hiện nay việc kết hôn của anh Đ và chị L không đúng quy định và năm sinh của Vàng A Đ trong giấy đăng ký kết hôn và các loại giấy tờ khác không trùng khớp thông tin nên bà Hàng Thị G yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tam Đường hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Vàng A Đ và chị Giàng Thị L.

Tại biên bản lấy lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Vàng A Đ và chị Giàng Thị L đều trình bày: anh Vàng A Đ và chị Giàng Thị L đăng ký kết hôn vào ngày 26/6/2012 tại Ủy ban nhân dân xã SB, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu trên cơ sơ tự nguyện. Tại thời điểm làm thủ tục đăng ký kết hôn, anh Vàng A Đ chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định nên tự khai là Vàng A Đ sinh ngày 02/9/1992 để đủ tuổi làm thủ tục đăng ký kết hôn nên Ủy ban nhân dân xã SB đã cấp giấy chứng nhận kết hôn cho anh, chị ghi là Vàng A Đ, sinh ngày 02/09/1992.

Sau khi kết hôn vợ chồng anh Đ, chị L chung sống với nhau hạnh phúc và hiện nay có 03 con chung là cháu Vàng A V, sinh này 12/02/2012, Vàng Đa V1 sinh ngày 06/3/2014 và Vàng Ánh N, sinh ngày 26/10/2018. Anh Đ chị L đồng ý yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật của bà Giàng Thị L và yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp kể từ thời điểm anh Đ đủ tuổi kết hôn. Đông, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, chia tài sản.

Quá trình giải quyết việc dân sự, Tòa án tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã SB, xác định: Anh Vàng A Đ sinh ngày 02/9/1992 và Vàng A Đ, sinh ngày 02/9/1994 là một người. Anh Vàng A Đ có ngày, tháng, năm sinh chính xác là ngày

02/9/1994. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, anh Đ tự khai là Vàng A Đ sinh ngày 02/9/1992 nên Ủy ban nhân dân xã SB đã làm thủ tục đăng ký kết hôn và cấp giấy chứng nhận kết hôn số 40, quyển số 01 ngày 26/6/2012.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đường phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị áp dụng Khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39, Điều 149, khoản 2, khoản 3 Điều 367, Điều 370, Điều 371, Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm a khoản 1 Điều 8, Điều 10, Điều 11, Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Đề nghị chấp nhận yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật của bà Hàng Thị G: Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Vàng A Đ và chị Giàng Thị L theo giấy chứng nhận kết hôn số 40, quyển số 01 ngày 26/6/2012 của Ủy ban nhân dân xã Khun Há, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu. Công nhận quan hệ hôn nhân của anh Vàng A Đ và chị Giàng Thị L kể từ ngày 02/9/2014. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự không phải chịu lệ phí theo quy định pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đường tại phiên họp, Tòa án nhân huyện Tam Đường nhận định:

[1] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Đây là yêu cầu về hủy kết hôn trái pháp luật do việc đăng ký kết hôn được thực hiện tại Ủy ban nhân dân xã SB, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trước khi mở phiên họp, người yêu cầu giải quyết việc dân sự bà Hàng Thị G, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đ, chị L có đơn xin vắng mặt tại

phiên họp. Do đó, căn cứ vào khoản 2, khoản 3 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

Đối với yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật của bà Hàng Thị G: Anh Vàng A Đ và chị Giàng Thị L đăng ký kết hôn ngày 26/6/2012 tại Ủy ban nhân dân xã SB, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu trên cơ sở tự nguyện. Tuy nhiên tại thời điểm đăng ký kết hôn, anh Vàng A Đ sinh ngày 02/9/1994 chưa đủ độ tuổi kết hôn theo quy định (anh Vàng A Đ mới được 17 tuổi 09 tháng 24 ngày). Như vậy việc đăng ký kết hôn của anh Vàng A Đ và chị Giàng Thị L tại Ủy ban nhân dân xã SB, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu đã vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của bà Hàng Thị G về việc yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Đ, chị L theo giấy chứng nhận kết hôn số 40, quyển số 01 ngày 26/6/2012 của Ủy ban nhân dân xã SB, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Vàng A Đ và chị Giàng Thị L: Anh Vàng A Đ, chị Giàng Thị L đề nghị Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Đ, chị L kể từ thời điểm anh Đ đủ tuổi kết hôn. Tại thời điểm Tòa án giải quyết yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật, anh Vàng A Đ đã đủ tuổi kết hôn (anh Đ đủ tuổi kết hôn kể từ ngày 02/9/2014), hơn nữa sau khi kết hôn anh Đ, chị L vẫn chung sống hạnh phúc, hòa thuận và đều có yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân kể từ thời điểm anh Đ đủ tuổi kết hôn. Xét yêu cầu của anh Đ, chị L là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần xem xét chấp nhận.

Về con chung và chia tài sản chung: Anh Vàng A Đ, chị Giàng Thị L không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[3] Về kiến nghị: Kiến nghị UBND xã SB, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu thực hiện việc ghi chú vào sổ hộ tịch về việc hủy kết hôn trái pháp luật và và công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Vàng A Đ, chị Giàng Thị L theo quy định của pháp luật.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Căn cứ vào Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 11, Điều 16, Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBNTVH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: bà Hàng Thị G không phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự.

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39; Điều 149; khoản 2, khoản 3 Điều 367; Điều 370; Điều 371; Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm a khoản 1 Điều 8; Điều 10; Điều 11; Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm d khoản 2 Điều 11, Điều 16, Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của bà Hàng Thị G. Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Vàng A Đ và chị Giàng Thị L theo giấy chứng nhận kết hôn số 40, quyển số 01 ngày 26/6/2012 của Ủy ban nhân dân xã SB, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu.

Công nhận quan hệ hôn nhân của anh Vàng A Đ và chị Giàng Thị L kể từ ngày 02/9/2014.

2. Kiến nghị UBND xã SB, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu thực hiện ghi chú vào sổ hộ tịch về việc hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân của anh Vàng A Đ và chị Giàng Thị L theo quy định của pháp luật.

3. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà Hàng Thị G không phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định này được thông báo hoặc niêm yết.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Tam Đường;
- CCTHADS huyện Tam Đường;
- UBND xã SB, huyện TĐ, tỉnh Lai Châu;
- Người yêu cầu;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HSVDS.

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

**Hồ Thị Tuyết**